

## KINH TẾ HỌC - QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

# ĐẤU TRANH BẢO VỆ NHỮNG GIÁ TRỊ CỐT LÕI TRONG HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ CỦA C. MÁC

PGS.TS. NGUYỄN MINH QUANG(\*)

## TÓM TẮT

*Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng sáng tạo những nguyên lý của kinh tế chính trị Mác - Lênin vào phát triển thành công mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thời kỳ đổi mới. Trong đó, học thuyết giá trị thặng dư với một hệ thống giá trị khoa học cốt lõi về kinh tế thị trường đã cung cấp những luận cứ, quy luật khách quan để vận dụng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. Trong thời đại của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, mặc dù với nhiều biểu hiện mới và cách thức khác nhau xoay quanh những nguyên lý cơ bản trong học thuyết mà C.Mác đã trình bày như: Lý luận về bản chất của tích lũy tư bản, về các nhân tố làm tăng quy mô tích lũy và bản cùng hóa giai cấp công nhân... vẫn giữ nguyên giá trị khoa học và tính thời đại. Bài viết đi sâu nghiên cứu nội dung trên.*

**Từ khóa:** giá trị cốt lõi; học thuyết giá trị thặng dư.

## ABSTRACT

*The Communist Party of Vietnam has creatively applied the principles of the Marxist-Leninist political economy to successfully develop the socialist-oriented market economy model in the Doi Moi period, in which the theory of surplus value with a core scientific value system on the market economy has provided objective arguments and laws to apply in the cause of socialism construction in Vietnam. In the era of the fourth industrial revolution, despite many novel manifestations and varied ways around the basic principles of the theory presented by Marx like Theory of the nature of capital accumulation, the factors that contribute to an increase in the scale of accumulation and impoverishment of the working class... still retain the scientific and epochal value. This article elaborates the above content.*

**Key words:** core values, theory of surplus value.

## Lời mở đầu

Học thuyết giá trị thặng dư (m) là “hòn đá tảng” trong lý luận kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin. Trong đó, khi trình bày về quá trình

chuyển hóa giá trị thặng dư thành tư bản với tiêu đề là: “*Quá trình tích lũy tư bản*” với nhiều nội dung khoa học và cách mạng sâu sắc. Trải qua 154 năm kể từ năm 1867, học thuyết giá trị thặng dư đã luôn trở thành vũ khí lý luận đấu tranh sắc bén của giai cấp công nhân, đồng thời

(\*) Giảng viên cao cấp, Viện Kinh tế chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

cũng để vận dụng vào quá trình phát triển kinh tế-xã hội. Ngày nay, với sự phát triển nhảy vọt về chất của lực lượng sản xuất nhờ những thành tựu vượt bậc của cách mạng khoa học - công nghệ, cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong nhiều lĩnh vực đã tạo ra những tiền đề vật chất cho nền kinh tế tri thức và chuyển đổi số ra đời và phát triển. Dưới tác động của cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại, lực lượng sản xuất đã có những biến đổi sâu sắc và kéo theo những thay đổi nhất định trong quan hệ sản xuất - xã hội... Sự phát triển này làm nảy sinh nhiều khía cạnh khác vừa cơ bản, vừa vận dụng trong điều kiện mới, lại vừa phải đấu tranh phê phán các tư tưởng hoài nghi, mơ hồ, thậm chí lợi dụng để xuyên tạc của các thế lực thù địch. Điều đó, đã và đang đặt ra sự cấp thiết cần bảo vệ những giá trị cốt lõi trong học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác. Bài nghiên cứu đi sâu phân tích một số luận điểm nhằm khẳng định giá trị khoa học trường tồn và chống lại tư tưởng sai trái, phản bác thể hiện trong một số nội dung cơ bản sau đây.

## 1. Lý luận về bản chất tích lũy tư bản trong học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác

### 1.1. Sự hoài nghi về bản chất của tích lũy tư bản theo luận giải của C.Mác

Để trình bày về bản chất của tích lũy tư bản, C.Mác đã thông qua quá trình tái sản xuất giản đơn và tái sản xuất mở rộng để khái quát những những nội dung cơ bản. Tích lũy tư bản gắn liền với tái sản xuất tư bản chủ nghĩa, Mác viết: "... xét một cách cụ thể thì tích lũy tư bản chỉ là tái sản xuất ra tư bản với quy mô ngày càng mở rộng"<sup>(1)</sup>. Muốn vậy,

phải biến một phần giá trị thặng dư thành tư bản bất biến phụ thêm và tư bản khả biến phụ thêm: "*Sử dụng giá trị thặng dư làm tư bản, hay chuyển hóa giá trị thặng dư trở lại thành tư bản, thì gọi là tích lũy tư bản*"<sup>(2)</sup>. Qua phân tích tái sản xuất giản đơn C.Mác đã chỉ rõ ba nội dung về bản chất của tích lũy: *Một là*, nguồn gốc của tư bản khả biến hay tiền công và kết luận: Công nhân đã sản xuất ra tiền công của mình trước khi được trả công. Vì đặc điểm của mua bán hàng hóa sức lao động là người bán chỉ được trả tiền sau khi đã cung cấp lao động tạo ra hàng hóa. Nhà tư bản chỉ trả lương cho công nhân sau một quá trình làm việc nhất định. Trong thời gian đó người công nhân bằng lao động của mình đã tạo ra hàng hóa có giá trị là  $H = C + (v + m)$ . Nhà tư bản chỉ trích một phần trong giá trị mới  $(v+m)$  mà công nhân tạo ra để trả cho chính công nhân. Do đó, không phải nhà tư bản ứng trước tiền lương cho công nhân mà chính là người công nhân đã tạo ra tiền lương cho bản thân mình; *Hai là*, tái sản xuất giản đơn tư bản chủ nghĩa làm biến chất toàn bộ tư bản ứng ra ban đầu; *Ba là*, địa vị phụ thuộc của giai cấp công nhân đối với giai cấp tư sản cả trong sản xuất và tiêu dùng cá nhân: Khi phân tích sâu hơn về tiêu dùng cá nhân của người công nhân, cuối cùng C.Mác đi đến kết luận: "*người công nhân dùng các tư liệu sinh hoạt chỉ là để giữ cho sức lao động của mình "chạy" được mà thôi, cũng như máy hơi nước ăn than và nước, như bánh xe ăn dầu mỡ. Khi đó, tư liệu tiêu dùng của người công nhân là tư liệu tiêu dùng của một trong những tư liệu sản xuất, sự tiêu*

<sup>(1)</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen (2002). *Toàn tập* (tập 23, trang 820). Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

<sup>(2)</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen (2002). *Toàn tập* (tập 23, trang 817). Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

dùng cá nhân của anh ta cũng trực tiếp là tiêu dùng sản xuất”<sup>(3)</sup> và khẳng định địa vị phụ thuộc của giai cấp công nhân đối với giai cấp các nhà tư bản: “vậy, quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa, xét trong một liên hệ chung, hay coi như quá trình tái sản xuất, thì không chỉ sản xuất ra hàng hóa, không phải chỉ sản xuất ra giá trị thặng dư, mà còn sản xuất và tái sản xuất ra bản thân quan hệ tư bản chủ nghĩa - một bên nhà tư bản và bên kia là công nhân làm thuê”<sup>(4)</sup>. Công nhân hoàn toàn lệ thuộc vào giai cấp tư sản cả ở trong và ngoài sản xuất.

Bốn là, qua phân tích tái sản xuất mở rộng C.Mác chỉ ra thêm hai nội dung về bản chất của tích lũy tư bản là: nguồn gốc duy nhất của tư bản tích lũy là giá trị thặng dư: ngay từ đầu có thể khẳng định tư bản mới phụ thêm là giá trị thặng dư được tư bản hóa. Động lực thúc đẩy tích lũy tư bản và tái sản xuất mở rộng là do quy luật giá trị thặng dư - quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản. Do đó, các nhà tư bản phải tăng cường tích lũy, mở rộng sản xuất, đổi mới kỹ thuật. Năm là, quá trình tích lũy đã làm cho quyền sở hữu trong nền sản xuất hàng hóa biến thành quyền chiếm đoạt tư bản chủ nghĩa. Trong sản xuất hàng hóa giản đơn, người lao động là người chủ những tư liệu sản xuất và sản phẩm do họ sản xuất ra. Sự trao đổi giữa họ với nhau theo nguyên tắc ngang giá về cơ bản không dẫn tới việc người này chiếm đoạt lao động không công của người kia. Trái lại, trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, khối lượng giá trị thặng dư nhà

tư bản không tiêu dùng cá nhân hết mà biến thành tư bản phụ thêm, tư bản càng lớn thì lợi nhuận càng lớn, do đó lao động của công nhân trong quá khứ trở thành phương tiện mạnh mẽ để bóc lột chính người công nhân. Sự trao đổi giữa người lao động và nhà tư bản dẫn đến kết quả là nhà tư bản chẳng những chiếm một phần lao động của người công nhân, mà còn là người sở hữu hợp pháp lao động không công đó và dùng nó làm phương tiện mở rộng không ngừng việc chiếm đoạt. Như vậy đã có sự thay đổi căn bản trong quan hệ sở hữu nhưng sự thay đổi đó vẫn tuân thủ quy luật giá trị.

Nguyên nhân sâu xa thúc đẩy tích lũy và tái sản xuất mở rộng tư bản chủ nghĩa là quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản. Để tăng quy mô giá trị thặng dư, các nhà tư bản không ngừng tích lũy và tái sản xuất mở rộng, xem đó là phương tiện căn bản để tăng cường bóc lột công nhân. Mặt khác, do cạnh tranh, các nhà tư bản buộc phải không ngừng làm cho tư bản của mình tăng lên. Điều đó có thể thực hiện bằng cách tăng nhanh tư bản tích lũy. Đây là nguyên nhân trực tiếp. Nói như vậy dường như có mâu thuẫn giữa phần tiêu dùng của nhà tư bản và phần tích lũy. Thật ra, trong buổi đầu của sản xuất tư bản chủ nghĩa, sự ham muốn làm giàu của các nhà tư bản thường chi phối tuyệt đối, nhưng đến một trình độ phát triển nhất định, sự tiêu dùng xa xỉ của các nhà tư bản ngày càng tăng lên theo sự tích lũy tư bản. Tuy nhiên, nhằm xuyên tạc lý luận này, một số phần tử thù địch viện dẫn rằng lý luận về bản chất của tích lũy tư bản trong học thuyết giá trị thặng dư mà C.Mác trình bày từ giữa thế kỷ XIX đã lạc hậu, điều đó biểu hiện ở:

<sup>(3)</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen (2002). *Toàn tập* (tập 23, trang 807). Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

<sup>(4)</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen (2002). *Toàn tập* (tập 23, trang 816). Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

*Một là*, ngày nay phổ biến ở các nước tư bản phát triển khi công nhân ký hợp đồng lao động thì nhà tư bản thường ứng trước tiền công cho công nhân mà không phải công nhân ứng trước sức lao động cho nhà tư bản.

*Hai là*, ngày nay, trong bối cảnh nền kinh tế số xuất hiện sự chi phối của một lực lượng công nhân tri thức, thậm chí chỉ một số ít (công nhân 4.0) đã mang tính quyết định đến sự thành bại của một số tập đoàn công nghệ cao tại các nước tư bản phát triển. Từ đó, đội ngũ này có cơ sở để gây sức ép đến giới chủ cả trong sản xuất và tiêu dùng và buộc giới chủ phải nhượng bộ trên nhiều phương diện để tồn tại và chiến thắng trong cuộc cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Bởi nếu không nhượng bộ, đồng nghĩa với phá sản, thất bại. Vì vậy, có ý kiến cho rằng nhà tư bản phụ thuộc vào công nhân, điều này đã ngược lại kết luận của C.Mác. Dựa vào những hiện tượng có thực đang diễn ra đó, những thế lực thù địch, dưới nhiều dạng thức khác nhau đã tìm cách chia rẽ, tấn công, phản bác lý luận tích lũy của C.Mác nhằm gây hoang mang, mất niềm tin, cho rằng lý luận về bản chất của tích lũy tư bản của C.Mác đã lỗi thời.

### **1.2. Khẳng định giá trị khoa học và thời đại về bản chất của tích lũy tư bản**

Trước khi khẳng định giá trị trên, người viết xin trích đoạn trong lời tựa C.Mác gửi cho Mô-ri-xơ La-Xa-Tơ-Rô Tổng biên tập Nhà xuất bản tiếng Pháp ngày 18 tháng 3 năm 1873: “*Phương pháp phân tích mà tôi đã dùng và chưa bao giờ được áp dụng vào các vấn đề kinh tế, sẽ làm cho việc đọc các chương đầu khá khó khăn, và tôi sợ rằng công chúng Pháp, bao giờ cũng nôn nóng muốn đi*

*đến kết luận và khao khát muốn biết mối liên hệ giữa những nguyên lý chung với các vấn đề trực tiếp mà họ đang quan tâm, sẽ chán, vì họ sẽ không thể đọc tiếp được ngay. Đó là một điều bất lợi mà tôi không thể làm gì được, trừ phi báo trước và phòng ngừa cho các bạn đọc khát khao chân lý. Không có con đường cái quan nào ở trong khoa học cả, và chỉ những người nào không sợ chôn chân mỗi gỏi trèo lên những con đường nhỏ bé gập ghềnh của nó thì mới hy vọng đạt tới đỉnh cao xán lạn của khoa học mà thôi”*<sup>(5)</sup>. Viện dẫn điều này, tác giả cho rằng ý kiến của nhóm người nêu trên là mơ hồ, bởi vì: trong nghiên cứu họ mới thấy cây mà đã đoán rừng, mới bước đầu thành công ở mức “điểm”, chưa kiểm chứng đã muốn nâng tầm lên mức “điện”, và luôn “*nôn nóng*” để đi đến những kết luận cuối cùng... Để khẳng định giá trị khoa học và thời đại về bản chất của tích lũy tư bản của C.Mác, tác giả xin luận giải hai nội dung sau:

*Trước tiên*, phải khẳng định rằng ngày nay phổ biến ở các nước tư bản phát triển khi công nhân ký hợp đồng lao động nhà tư bản thường ứng trước tiền lương cho công nhân mà không phải công nhân ứng trước sức lao động cho nhà tư bản. Điều này ít nhất mang lại hai lợi ích cho nhà tư bản. *Một là*, khi công nhân được nhà tư bản ứng trước tiền công, đã tạo ra một sợi dây vô hình buộc công nhân phải làm việc cho giới chủ để trả món nợ đã vay. Họ không dám bỏ việc và càng không dám đấu tranh để đòi quyền lợi. *Hai là*, số tiền cho vay đó dù có lãi suất thấp, thậm chí không có lãi đi nữa nhà tư bản vẫn có lợi trong

<sup>(5)</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen (2002). *Toàn tập* (tập 23, trang 39). Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

bối cảnh thừa tư bản tương đối đang diễn ra ở các nước tư bản phát triển. Đặc biệt trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư điều này càng bộc lộ rõ ràng hơn. Mặt khác, về bản chất số tiền mà nhà tư bản ứng trước cho công nhân suy cho đến cùng cũng chính là giá trị thặng dư được tích lũy lại từ nhiều chu kỳ tái sản xuất trước đây, bởi vì trong kết luận thứ hai về bản chất, C.Mác đã giả định số tiền ứng ra đầu tiên dù là chính đáng do tiết kiệm hay của hồi môn do cha ông để lại thì sau quá trình tái sản xuất giản đơn của chính đáng ấy đã trở thành của không chính đáng. Tư bản dùng của tước đoạt được làm phương tiện để mở rộng không ngừng sự tước đoạt... Cái lợi hơn nữa, khi công nhân có nguồn tài chính ban đầu sẽ mua nhà, sắm xe... để có các điều kiện sinh hoạt tốt nhất phục vụ cho quá trình lao động làm thuê của mình. Tại một số nước, các nhà tư bản còn thực thi chính sách bán trả góp, điều đó có lợi kép ở chỗ vừa bán được hàng lại vừa cho vay được tiền.

*Thứ hai*, không thể phủ nhận ý kiến một số phần tử hoài nghi, mơ hồ dẫn đến suy giảm lòng tin vào Chủ nghĩa Mác - Lênin về hiện tượng: công nhân công nghệ cao ở một số tập đoàn kinh tế lớn trên thế giới gây sức ép với giới chủ trong bối cảnh của nền kinh tế thị trường hiện đại dưới sự tác động trực tiếp của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Bởi lẽ, tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 được hình thành trên nền tảng cải tiến của cuộc cách mạng số, với những công nghệ mới như: Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo (VR), tương tác thực tại ảo (AR), mạng xã hội, điện toán đám mây, di động và phân tích dữ liệu lớn (SMAC)... đã thay đổi

cách thức kinh doanh truyền thống, chuyển từ trạng thái ảo sang sát đúng với trạng thái thực... Và chính điều này đã làm cho sự tương tác giữa chủ và thợ phải thay đổi: giới chủ phụ thuộc vào người làm thuê bởi họ có ưu thế là người làm chủ tri thức, công nghệ, nếu không sẽ thất bại.

Tuy nhiên, phản bác những quan điểm trên, dựa vào những căn cứ khoa học, tác giả khẳng định luận điểm mà C.Mác đã nêu về địa vị phụ thuộc của giai cấp công nhân đối với giai cấp tư sản trong lý luận tích lũy tư bản đến xã hội hiện đại ngày nay vẫn không hề thay đổi về bản chất mà chỉ là những biểu hiện mới trong bối cảnh của nền kinh tế thị trường hiện đại cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, giả định những đòi hỏi của công nhân (chủ yếu là thu nhập) được chấp thuận sẽ có hai tình huống: *Một là*, những đề xuất của họ sẽ mang lại lợi ích cho tập đoàn khi đó cả chủ và thợ đều có lợi. *Hai là*, những đề xuất của họ chỉ có lợi cho công nhân, tất nhiên nhà tư bản phải cân nhắc về việc phân chia lại lợi nhuận, nhưng điều này C.Mác đã khẳng định: sản xuất giá trị thặng dư hay lợi nhuận là quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản.

*Thứ hai*, những đòi hỏi của công nhân không được chấp thuận, khi đó công nhân sẽ bỏ việc. Trường hợp này cũng có hai tình huống: *Một là*, khi bỏ việc ở tập đoàn này họ sẽ tiếp tục làm việc cho tập đoàn khác và như vậy chỉ có đổi chủ mà thôi. *Hai là*, họ tự lập công ty, lúc này họ bỏ sung vào giới chủ. Khi trở thành người chủ tất yếu phải có lao động làm thuê, bản chất của mối quan hệ chủ - thợ vẫn không thay đổi - trường hợp này rất hiếm. Bởi vì, khi phân tích điều kiện thứ hai để sức

lao động trở thành hàng hóa C.Mác đã chỉ ra: “... người chủ sức lao động phải không còn có khả năng bán những hàng hóa trong đó lao động của anh ta được vật hóa”<sup>(6)</sup> nghĩa là chưa đủ các điều kiện sản xuất cần thiết để sức lao động của anh ta được vật hóa.

*Thứ ba*, hiện tượng trên không phải là phổ biến, chủ yếu chỉ xuất hiện trong các tập đoàn công nghệ cao, và diễn ra ở một số nước tư bản phát triển, điều này đã được Lênin trình bày về: Quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa đế quốc... Do đó, không thể nhìn vào một số hiện tượng để rút ra những kết luận không thuyết phục. Và vì vậy, bản chất của mối quan hệ phụ thuộc giai cấp công nhân đối với giai cấp tư sản không hề thay đổi về bản chất.

## 2. Lý luận về bản cùng hóa giai cấp công nhân trong điều kiện của thế giới hiện đại

### 2.1. Bản chất lý luận bản cùng hóa giai cấp công nhân

Quy luật phổ biến của tích lũy tư bản được C.Mác trình bày cô đọng với nội dung cơ bản là: Quá trình tích lũy tư bản tất yếu dẫn đến hai hiện tượng đối lập nhau: *một là*, tích lũy sự giàu có, xa hoa về phía giai cấp tư sản và *hai là*, tích lũy sự bản cùng, khốn khó về phía giai cấp công nhân. Diễn giải kết luận về sự phân hóa trên, C.Mác đã dựa trên 4 căn cứ khoa học để phân tích: *Thứ nhất*, quá trình tích lũy tư bản là quá trình tăng cấu tạo hữu cơ của tư bản. *Thứ hai*, quá trình tích lũy tư bản là quá trình tích tụ và tập trung tư bản ngày càng tăng. *Thứ ba*, quá trình tích lũy tư bản là quá trình bản cùng hóa giai cấp công

nhân. *Thứ tư*, về xu hướng lịch sử của tích lũy tư bản.

Khi phân tích về lý luận về bản cùng hóa giai cấp công nhân, trước tiên C.Mác tiếp cận từ hai phạm trù bản cùng hóa tuyệt đối và bản cùng hóa tương đối. Sau đó phân tích mối quan hệ giữa sự thay đổi cấu tạo hữu cơ tư bản (c/v) với thị trường sức lao động và kết luận: Cấu tạo hữu cơ của tư bản ngày càng tăng là một xu hướng phát triển khách quan của sản xuất tư bản chủ nghĩa. Do vậy, số cầu tương đối về sức lao động cũng có xu hướng ngày càng giảm. Đó chính là nguyên nhân chủ yếu gây ra nạn nhân khẩu thừa tương đối. C.Mác viết: “*Vậy, cùng với sự tích lũy tư bản do bản thân nó đẻ ra, nhân khẩu công nhân cũng sản xuất ra với một quy mô ngày càng lớn những phương tiện làm cho họ trở thành nhân khẩu thừa tương đối*”<sup>(7)</sup>. Nạn thất nghiệp đã dẫn giai cấp vô sản đến bản cùng hóa. Bản cùng hóa giai cấp vô sản là hậu quả tất yếu của quá trình tích lũy tư bản.

Những năm gần đây, nhằm xuyên tạc lý luận này, một số phần tử hoài nghi viện dẫn rằng ngày nay thu nhập của công nhân ở các nước tư bản phát triển và một bộ phận công nhân ở các nước đang phát triển rất cao, thậm chí số đông công nhân có cổ phần trong công ty. Đồng thời hệ thống an sinh xã hội cũng như điều kiện làm việc của công nhân rất hiện đại... Vì vậy, cho rằng công nhân trong xã hội hiện đại bị bản cùng hóa theo lập luận của C.Mác từ giữa thế kỷ XIX là thiếu thuyết phục, thậm chí đã lạc hậu trong xã hội văn minh.

<sup>(6)</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen (2002). *Toàn tập* (tập 23, trang 252-253). Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

<sup>(7)</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen (2002). *Toàn tập* (tập 23, trang 889, 872). Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

## 2.2. Bản chất lý luận bản cùng hóa giai cấp công nhân không hề thay đổi trong xã hội hiện đại

Viện dẫn cho lời khẳng định trên đây, tác giả bài viết xuất phát từ các luận cứ sau:

Trước hết, phải hiểu rõ khái niệm về bản cùng hóa. C.Mác đã xây dựng và hoàn thiện khái niệm về bản cùng hóa tuyệt đối và bản cùng hóa tương đối càng sáng tỏ trong thời đại ngày nay. Trong đó, bản cùng hóa tuyệt đối biểu hiện ở mức sống của giai cấp công nhân giảm, cả khi mức sống của giai cấp công nhân tăng nhưng tăng chậm hơn mức tăng nhu cầu. Điều này càng sáng tỏ hơn khi nhu cầu tăng vượt bậc trong xã hội hiện đại. Và bản cùng hóa tương đối biểu hiện ở tỷ lệ thu nhập của giai cấp công nhân tăng chậm hơn tỷ lệ thu nhập của giai cấp tư sản trong tổng sản phẩm quốc dân. Theo báo cáo của Oxfam năm 2018 đã kết luận sự phân hóa giàu nghèo trên thế giới ngày càng sâu sắc. Hầu hết tài sản mới được tạo ra trong năm 2017 đều tập trung vào trong tay của nhóm người giàu nhất chiếm khoảng 1% dân số thế giới. Trong khi đó, tài sản của những người thuộc nhóm nghèo nhất chiếm khoảng 50% dân số thế giới. Báo cáo từ Tập đoàn tư vấn tài chính hàng đầu thế giới Credit Suisse được thực hiện dựa trên các số liệu năm 2018 có khoảng 82% số tài sản mới được tạo ra trong năm 2017 đã về tay nhóm giàu nhất. Và từ năm 2010 đến nay số tài sản của các tỷ phú liên tục tăng với tốc độ nhanh gấp 6 lần so với tài sản của các công nhân bình thường. Dẫn liệu trên đã chứng minh bản chất khoa học cách mạng và thực tiễn về lý luận bản cùng hóa của C.Mác để luận giải sự phát triển của giai cấp công nhân trong thế giới hiện đại.

Thứ hai, tác giả xin trích dẫn phần lời tựa và lời bạt trang khi C.Mác viết cho xuất bản lần thứ nhất: “*Vì nghiên cứu một cơ thể đã phát triển thì dễ hơn là nghiên cứu tế bào của cơ thể đó. Ngoài ra, khi phân tích những hình thái kinh tế, người ta không thể dùng kính hiển vi hay những chất phản ứng hóa học được. Sức trừu tượng hóa phải thay thế cho cả hai cái đó... Đối với người không am hiểu thì việc phân tích hình thái đó hình như chỉ là một sự suy luận hão xoay quanh những điều nhỏ nhặt. Và đó quả thật là những điều nhỏ nhặt, nhưng lại là những điều nhỏ nhặt, thuộc loại mà khoa vi giải phẫu chẳng hạn, phải dừng đến... Tất nhiên, ở đây tôi muốn nói đến những bạn đọc nào mong muốn học hỏi một cái gì mới, và do đó, mong muốn độc lập suy nghĩ. Nhà vật lý học hoặc giả quan sát các quá trình tự nhiên ở những nơi nào mà các quá trình ấy thể hiện ra dưới một hình thái nổi bật nhất và ít bị che mờ nhất bởi những ảnh hưởng gây nhiễu loạn*”. Trích dẫn điều trên tác giả muốn nhắc nhở những người hoài nghi, mơ hồ về lý luận bản cùng hóa giai cấp công nhân của C.Mác trong thời đại ngày nay cần phải xem xét vấn đề trên phương diện tổng quát nhất. Nghĩa là phải xem xét giai cấp công nhân ngày nay gồm công nhân có việc và công nhân thất nghiệp; công nhân kỹ thuật và công nhân thường; công nhân chính quốc và công nhân các nước thuộc địa và phụ thuộc; lịch sử hình thành và phát triển giai cấp công nhân... Có như vậy mới thực sự hiểu được bản chất khoa học và cách mạng trong từng luận điểm của học thuyết giá trị thặng dư, đặc biệt là vấn đề tích lũy tư bản của C.Mác.

### 3. Kết luận

Thế giới ngày nay, khi cách mạng khoa học - công nghệ phát triển mạnh mẽ, sự tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư và kinh tế số... một số nước tư bản phát triển đang phát huy, tận dụng để lớn mạnh vượt trội hơn với nhiều dạng thức, biểu hiện mới. Nếu nhìn những biểu hiện mới này ở vẻ bề ngoài thì dường như nhiều luận điểm trong học thuyết giá trị thặng dư của Mác, đặc biệt là vấn đề tích lũy tư bản, đã lỗi thời, không phù hợp, không phản ánh được thực tế khách quan. Điều này thúc đẩy việc xuất hiện một số quan điểm, tư tưởng hoài nghi, mơ hồ nhằm mục đích xuyên tạc, làm suy giảm lòng tin về học thuyết Mác. Với những nghiên cứu bước đầu, phác thảo và gợi mở một số vấn đề mà thực tiễn đang đặt ra cần luận giải, làm rõ hơn về phương diện lý luận về bản chất tích lũy tư bản, bài viết góp bàn thêm ý kiến nhằm khẳng định những giá trị cốt lõi trong học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác, qua đó đấu tranh chống những luận điệu xuyên tạc về học thuyết này.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chương trình KX08 (2001-2004). *Xu thế chủ yếu của sự phát triển khoa học và công nghệ, sự hình thành và vai trò của kinh tế tri thức trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI*.
2. Vũ Đình Cự, Trần Xuân Sầm (2006). *Lực lượng sản xuất mới và kinh tế tri thức*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
3. Phạm Tất Dong (2003). Tác động của kinh tế tri thức và sự phát triển đội ngũ trí thức Việt Nam. *Hội thảo khoa học: Kinh tế tri thức và công nghiệp hóa, hiện đại hóa rút ngắn ở Việt Nam*. Hà Nội.
4. Đặng Hữu (2004). *Kinh tế tri thức - thời cơ và thách thức đối với sự phát triển của Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
5. C.Mác và Ph.Ăngghen (1993). *Toàn tập* (tập 23). Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
6. C.Mác và Ph.Ăngghen (2002). *Toàn tập* (tập 23). Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
7. Đề tài khoa học cấp Bộ năm 2008 - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh do PGS. TS. Nguyễn Minh Quang làm chủ nhiệm.

